

Calcium Hasan 500 mg

Viên nén sủi bọt

Thành phần

- **Hoạt chất:** Calci lactat gluconat 2940 mg và Calci carbonat 300 mg, tương đương với Calci 500 mg.
- **Tá dược:** lactose khan, saccharose, acid citric khan, natri hydrocarbonat, natri carbonat khan, natri saccharin, PEG 6000, hương vị cam.

Dược lực học

- Ion calci rất cần thiết cho nhiều quá trình sinh học: kích thích neuron thần kinh, giải phóng chất dẫn truyền thần kinh, co cơ, bảo toàn màng và làm đông máu. Ion calci còn giúp chức năng truyền tin thứ cấp cho hoạt động của nhiều hormon.
- Trên hệ tim mạch: Ion calci rất cần thiết cho kích thích và co bóp cơ tim cũng như cho sự dẫn truyền xung điện trên một số vùng của cơ tim, đặc biệt qua nút nhĩ thất.
- Trên hệ thần kinh cơ: Ion calci đóng vai trò quan trọng trong kích thích và co bóp cơ.

Dược động học

- **Hấp thu:** calci được hấp thu chủ yếu qua ruột non nhờ cơ chế vận chuyển tích cực và khuếch tán thụ động. Khoảng 1/3 lượng calci được hấp thu mặc dù tỷ lệ này có thể thay đổi tùy thuộc vào chế độ ăn uống và tình trạng ruột non. Vitamin D giúp làm tăng khả năng hấp thu calci.
- **Phân bố và chuyển hóa:** 99% lượng calci trong cơ thể được tập trung trong xương và răng, 1% còn lại được phân bố trong dịch nội bào và ngoại bào. Khoảng 50% nồng độ calci trong huyết tương ở dạng ion hóa có hoạt tính sinh lý; khoảng 5% tạo thành phức hợp với phosphat, citrat hoặc anion khác và 45% còn lại được liên kết với protein, chủ yếu là albumin.
- **Thải trừ:** Lượng ion calci được thải qua nước tiểu phụ thuộc vào độ lọc cầu thận và tái hấp thu ống thận, hơn 98% lượng ion calci lọc qua cầu thận được tái hấp thu vào máu. Một lượng calci đáng kể được thải trừ vào sữa trong thời kỳ cho con bú, một phần thải qua mồ hôi và qua phân.

Chỉ định

- Phòng và hỗ trợ điều trị bệnh loãng xương ở phụ nữ mãn kinh, người có tuổi, người hút thuốc lá, nghiện

rượu và các đối tượng có nguy cơ cao như: dùng corticoid kéo dài, sau chấn thương hoặc thời gian dài nằm bất động.

- Điều trị các bệnh còi xương, nhuyễn xương, mất xương cấp và mạn, bệnh Sheuermann.
- Bổ sung calci hàng ngày cho sự tăng trưởng hệ xương, răng của trẻ em, thanh thiếu niên, tuổi dậy thì.
- Bổ sung calci cho phụ nữ có thai, cho con bú, phòng ngừa các biến chứng do thiếu Calci cấp và mạn.
- Bổ sung calci trong các trường hợp thiếu hụt do ăn kiêng, điều trị gãy xương, các bệnh tật khác (bệnh mất, dị ứng, bệnh đường ruột lâu ngày, bệnh tetani mạn tính...).

Liều lượng và cách dùng

Liều lượng:

- Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi: 2 viên nén sủi bọt/ngày.
- Trẻ em 6 – 10 tuổi: 1 viên nén sủi bọt/ngày.
- Trẻ em 3 – 6 tuổi nên dùng dạng bào chế khác thích hợp hơn.

Cách dùng:

Hòa tan viên sủi trong một ly nước, nên uống ngay sau khi hoà tan. Nên uống trước hoặc sau bữa ăn 1 giờ.

Chống chỉ định

- Quá mẫn với các thành phần của thuốc.
- Những bệnh kèm theo hội chứng tăng calci trong máu (như ở người cường cận giáp, quá liều do Vitamin D, u ác tính tiêu xương...), tăng calci niệu nặng, sỏi thận, sỏi niệu, suy thận nặng, loãng xương do bất động, digitalis (vì nguy cơ ngộ độc digitalis).
- Rung thất trong hồi sức tim.
- Người bệnh đang dùng thuốc khác chứa calci.

Thận trọng

- Lưu ý đến lượng đường trong viên thuốc khi sử dụng cho bệnh nhân tiểu đường.
- Những bệnh nhân có khả năng bị sỏi calci niệu nên uống nhiều nước khi sử dụng thuốc.
- Sử dụng quá nhiều muối calci có thể dẫn đến tình trạng tăng calci huyết.
- Cần thông báo với bác sĩ về tiền sử bệnh. Đặc biệt trong các bệnh: rối loạn hệ miễn dịch (sarcoidosis), suy chức năng thận, tiền sử sỏi thận, bệnh tim.
- Cần theo dõi nồng độ calci trong máu và trong nước

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

tiểu ở bệnh nhân suy thận, tiền sử sỏi thận... hoặc đang sử dụng Vitamin D nếu điều trị lâu dài trên những bệnh nhân này. Kiểm soát chặt chẽ sự thải trừ calci niệu phải được tiếp tục trong trường hợp tăng nhẹ calci niệu (vượt quá 7,5 mmol/24 giờ ở người lớn hoặc 0,12 – 0,15 mmol/kg/24 giờ ở trẻ em) hoặc suy thận hoặc có bằng chứng hình thành sỏi đường niệu. Nếu cần thiết nên giảm liều hoặc ngừng uống calci.

Tác dụng phụ

- Rất hiếm xảy ra các rối loạn tiêu hóa nhẹ (buồn nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, đầy hơi và ợ chua).
- Hiếm gặp tăng calci niệu, tăng calci huyết trong trường hợp dùng liều cao lâu ngày.

Tương tác thuốc và các dạng tương tác khác

- Những thuốc sau đây ức chế thải trừ calci qua thận: các thiazid, clopamid, ciprofloxacin, chlorthalidon, thuốc chống co giật.
- Calci làm giảm hấp thu demeclocyclin, doxycyclin, metacyclin, minocyclin, oxytetracyclin, tetracyclin, enoxacin, fleroxacin, levofloxacin, lomefloxacin, norfloxacin, ofloxacin, pefloxacin, sắt, kẽm, và những chất khoáng thiết yếu khác.
- Calci làm tăng độc tính đối với tim của các glycosid digitalis vì tăng nồng độ calci huyết sẽ làm tăng tác dụng ức chế $\text{Na}^+ - \text{K}^+ - \text{ATPase}$ của glycosid tim.
- Glucocorticoid, phenytoin làm giảm hấp thu calci qua đường tiêu hóa. Chế độ ăn có phytat, oxalat làm giảm hấp thu calci vì tạo thành những phức hợp khó hấp thu.
- Phosphat, calcitonin, natri sulfat, furosemid, magnesi, cholestyramin, estrogen, một số thuốc chống co giật cũng làm giảm calci huyết. Thuốc lợi niệu thiazid làm tăng nồng độ calci huyết.

Quá liều và cách xử trí

- **Triệu chứng:** Chán ăn, buồn nôn, nôn, táo bón, đau bụng, yếu cơ, rối loạn tinh thần, khát nhiều, đa niệu, nhiễm calci thận, loạn nhịp tim và hôn mê.
- **Xử trí:** Truyền tĩnh mạch dung dịch natri clorid 0,9%. Cho lợi tiểu cường bức bằng furosemid hoặc acid ethacrynic để tăng thải trừ nhanh calci và natri khi đã dùng quá nhiều dung dịch natri clorid 0,9%. Theo dõi điện tâm đồ và có thể sử dụng các chất chẹn beta-adrenergic để phòng loạn nhịp tim nặng. Có thể thẩm phân máu, có thể dùng calcitonin và

adrenocorticoid trong điều trị. Theo dõi nồng độ calci trong máu một cách đều đặn.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

- Không gây hại khi dùng liều theo nhu cầu hàng ngày đã được khuyến cáo (liều RDA).
- Chỉ nên dùng thuốc để bổ sung thêm calci nếu khẩu phần ăn không đủ.
- Hỏi ý kiến bác sĩ trước khi muốn dùng thuốc.

Tác động của thuốc khi vận hành tàu xe, máy móc

Không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Trình bày: Hộp 1 tuýp chứa 20 viên nén sủi bọt. Tuýp nhựa, nắp được đóng silicagel.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C. Tránh ẩm. Đậy nắp kín ngay sau khi sử dụng.

Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cơ sở.

Hạn dùng: 36 tháng (kể từ ngày sản xuất).

Lưu ý

Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì.

Không dùng thuốc quá liều chỉ định.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.



CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM

Đường số 2 - Khu công nghiệp Đồng An,
Bình Dương, Việt Nam